

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
số: 25/2017/HNGĐ-GĐT
Ngày 24/11/2017
V/v hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn;

Các thành viên: - Bà Trần Thị Thu Hiền;

- Ông Ngô Hồng Phúc.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Đỗ Văn Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm vụ án tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh năm 1977.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Xuân T, sinh năm 1971.

Đều cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày:

Chị T và anh Phạm Xuân T sống chung như vợ chồng từ năm 1993, được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Ủy ban nhân dân xã H đã tuyên truyền, vận động đăng ký kết hôn, nhưng anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc. Năm 2003, kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng bàn bạc để chị T đi Đài Loan lao động, anh T ở nhà trông con và cấy vãi sào ruộng. Toàn bộ tiền chị T kiếm được đều gửi cho bố để là ông Vũ Văn K nhờ mua đất làm nhà cho vợ chồng ở. Năm 2011, chị T về nước vợ chồng vẫn vui vẻ, nhưng từ năm 2013 đến nay anh T hay ghen, nhiều lần xúc

phạm danh dự, đánh chửi, có lần chị phải đi viện. Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 11/2014 và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Xuân T1 sinh năm 1994 đang lao động tại Nhật, con nhỏ là Phạm Thị Thùy L sinh ngày 06/5/2001 hiện đang ở với anh T.

Về tài sản chung: Vợ chồng tạo lập được khối tài sản gồm:

- Thửa đất số 333, tờ bản đồ số 4, thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương diện tích 186,2m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2008 đứng tên chị T và anh T. Trên thửa đất này vào năm 2008, vợ chồng đã xây nhà 03 tầng diện tích 145,77m² có trị giá 262.386.000 đồng. Nhà đất này có được là do chị gửi tiền từ Đài Loan về nhờ bố đẻ mua hộ đất và làm nhà cho vợ chồng. Ngoài ra, vợ chồng mua sắm được một số tài sản đã thống nhất định giá gồm: 01 tủ ướp bia 5 quả trị giá 4.000.000 đồng, 01 tủ kem trị giá 1.000.000 đồng, 01 tủ lạnh TOSIBA đựng đồ ăn trị giá 1.200.000 đồng, 01 bình nóng lạnh Thái Dương Năng trị giá 4.000.000 đồng, 01 bộ bàn ghế sa lông gỗ nghiêng trị giá 4.000.000 đồng, 01 máy điều hòa Daikin trị giá 6.000.000 đồng, 01 máy giặt SANYO trị giá 2.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản của vợ chồng trên thửa đất này là 508.026.000 đồng. Trên đất còn có một số tài sản khác, nhưng vợ chồng không yêu cầu chia và vợ chồng đã thỏa thuận ai được chia nhà đất này thì người đó được hưởng.

- Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 7, thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương có diện tích 412,6m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 đứng tên chị T và anh T có trị giá 104.445.000 đồng. Trên đất có 02 gian nhà cấp 4 đã cũ, 01 dãy công trình phụ, 01 bể nước cùng một số tài sản khác. Nguồn gốc thửa đất này, ban đầu bố mẹ anh T mua cho vợ chồng 240m², sau đó vợ chồng mua thêm.

Tổng trị giá tài sản chung của vợ chồng đã thống nhất định giá là 612.471.000 đồng. Chị T đề nghị chia đôi tài sản chung, chị T xin được nhận đất và tài sản trên đất tại thửa số 333 và thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh T.

Bị đơn là anh Phạm Xuân T trình bày:

Anh T thống nhất với chị T về thời gian chung sống, về việc vợ chồng chưa đăng ký kết hôn, con chung, thời gian chị T lao động tại Đài Loan. Anh T cho rằng lý do phát sinh mâu thuẫn do từ cuối năm 2014, chị T thay đổi tính nết hay xúc phạm chồng con. Chị T đề nghị được ly hôn, anh T đồng ý.

Về tài sản chung: Anh T thống nhất với chị T số lượng, giá trị tài sản chung đã định giá và đề nghị chia đôi tài sản chung. Anh T cũng đề nghị được nhận đất và tài sản trên đất tại thửa số 333 và trả tiền chênh lệch về tài sản cho chị T.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2015/HNGĐ-ST ngày 29/9/2015, Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị T và anh Phạm Xuân T.

Về con chung: Giao cho anh Phạm Xuân T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 06/5/2001 cho đến khi trưởng thành. Chị Vũ Thị T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10/2015 cho đến khi cháu L trưởng thành. Chị T có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Xác định tài sản chung của chị Vũ Thị T và anh Phạm Xuân T có trị giá bằng tiền là 612.471.000 đồng.

Về hiện vật: Xử giao cho chị Vũ Thị T được quyền sử dụng 186,2m² đất tại thửa đất số 333, tờ bản đồ số 4, thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương và được sở hữu 01 nhà xây 03 tầng trị giá 262.386.000 đồng, 01 tủ ướp bia 5 quả trị giá 4.000.000 đồng, 01 tủ kem trị giá 1.000.000 đồng, 01 tủ lạnh TOSIBA đựng đồ ăn trị giá 1.200.000 đồng, 01 bình nóng lạnh Thái Dương Năng trị giá 4.000.000 đồng, 01 bộ bàn ghế sa lông gỗ nghiêng trị giá 4.000.000 đồng, 01 máy điều hòa ĐạiKin trị giá 6.000.000 đồng, 01 máy giặt SANYO trị giá 2.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chị T được hưởng là 508.026.000 đồng.

Giao cho anh Phạm Xuân T sử dụng diện tích 412,6m² đất (trong đó có 300m² đất ở và 112,6m² đất vườn) tại thửa đất số 154, tờ bản đồ số 7, thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương có trị giá 104.445.000 đồng; trên đất có 02 gian nhà cấp 4 đã cũ, 01 công trình phụ đã cũ, 01 bể xây đựng nước, 01 giếng khơi, cây cối và các tài sản khác không yêu cầu định giá và anh chị thỏa thuận ai nhận mảnh đất này thì được hưởng.

Buộc chị Vũ Thị T phải có trách nhiệm trả chênh lệch tài sản cho anh Phạm Xuân T 201.790.500 đồng.

Bản án sơ thẩm còn có một số quyết định khác, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/10/2015, anh T kháng cáo đề nghị được sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa số 33 tờ bản đồ số 4, thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 01/2016/HNGĐ-PT ngày 21/01/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị T và anh Phạm Xuân T.

Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận tự nguyện của chị Vũ Thị T và anh Phạm Xuân T: Giao cho anh Phạm Xuân T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 06/5/2001 cho đến khi trưởng thành. Chị Vũ Thị T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/một tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 10/2015 cho đến khi cháu Li trưởng thành (đủ 18 tuổi), phương thức cấp dưỡng theo quý vào ngày đầu của tháng đầu quý.

Chị T có quyền, nghĩa vụ chăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Xác định chị Vũ Thị T và anh Phạm Xuân T có khối tài sản chung trị giá là 612.471.000 đồng.

Xử giao cho chị Vũ Thị T được sử dụng và sở hữu những tài sản gồm: Diện tích 186,2m² đất ở tại thửa đất số 333, tờ bản đồ số 04, thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương có giá trị 223.440.000 đồng; 01 nhà xây bê tông cốt thép, đổ trần trên đất trị giá 262.386.000 đồng; 01 tủ ướp bia 5 quả trị giá 4.000.000 đồng; 01 tủ kem trị giá 1.000.000 đồng; 01 tủ lạnh TOSIBA trị giá 1.200.000 đồng; 01 bình nóng lạnh Thái Dương Năng trị giá 4.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế sa lông bằng gỗ nghiến trị giá 4.000.000 đồng; 01 máy điều hòa ĐạiKin trị giá 6.000.000 đồng; 01 máy giặt SANYO trị giá 2.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chị T được hưởng là 508.026.000 đồng.

Xử chấp nhận sự thỏa thuận tự nguyện của anh T và chị T: chị T còn được sở hữu và sử dụng 01 sân lát gạch đỏ, tường bao xung quanh nhà đất, 01 lán xây cấp 4 phía ngoài đường, 01 bình nóng lạnh Ariston đã cũ, 01 kệ để tivi, 01 tivi nhãn hiệu Sony 32 in 01 quạt trần, 01 quạt bàn và các tài sản khác nằm trên thửa đất số 333, tờ bản đồ số 4, thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Xử giao cho anh Phạm Xuân T được sử dụng diện tích 412,6m² (trong đó có 300m² đất ở và 112,6m² đất vườn) tại thửa đất số 154, tờ bản đồ số 7, thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương có trị giá 104.445.000 đồng.

Xử buộc chị Vũ Thị T phải có trách nhiệm trả chênh lệch tài sản cho anh Phạm Xuân T số tiền là 201.790.500 đồng.

Ngoài ra Tòa án cấp phúc thẩm còn có quyết định khác và án phí.

Ngày 29/02/2016, anh T có đơn đề xem xét lại bản án hôn nhân hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm.

Ngày 01/3/2016, cháu T1 và Thùy L có đơn đề xem xét lại bản án hôn

nhân hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 26/2017/KN-HNGĐ ngày 08/8/2017, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm huỷ phần tài sản của bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm nói trên và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân và con chung: Chị T và anh T sống chung như vợ chồng (không có đăng ký kết hôn) từ năm 1993 đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Tháng 11/2014, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó, không ai còn quan tâm đến ai. Ngày 26/5/2015, chị T có đơn đề nghị Tòa án cho chị T được ly hôn với anh T, anh T đồng ý. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không công nhận quan hệ của chị Thúy và anh Thử là vợ chồng; công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh T về con chung là đúng.

[2]. Về tài sản: Chị T và anh T thống nhất tài sản chung có 02 mảnh đất cùng một số tài sản khác trên đất, cụ thể: 186,2m² đất tại thửa đất số 333, tờ bản đồ số 4, trên đất này chị T, anh T đã xây 01 ngôi nhà 03 tầng; 412,6m² đất tại thửa số 154, tờ bản đồ số 7, trên đất này có 02 gian nhà cấp 4 cùng một số công trình khác đã cũ. Tổng trị giá tài sản chung, chị T và anh T thống nhất định giá là 612.471.000 đồng. Chị T, anh T đều đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung và xin được nhận đất cùng các tài sản trên đất tại thửa số 333 có ngôi nhà 03 tầng và thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho bên kia. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đã chia cho chị T 186,2m² đất và ngôi 03 tầng cùng các tài sản trên đất tại thửa số 333 có tổng trị giá 508.026.000 đồng, chia cho anh T 412,6m² đất cùng các tài sản trên đất tại thửa số 154 có trị giá 104.445.000 đồng và chị T phải thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho anh T 201.790.500 đồng.

[3]. Sau khi xét xử phúc thẩm, anh T, cháu T1 và cháu L (là con chung của chị T và anh T) có đơn đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xem xét lại cách chia tài sản chung của Tòa án hai cấp, vì chị T chưa có nhu cầu về chỗ ở, sau khi được chia nhà đất cùng các tài sản trên đất tại thửa số 333, chị T không ở mà đi nước ngoài làm việc; trong khi cháu T1 và cháu L ở cùng anh T có nhu cầu cấp thiết về chỗ ở, thì chỉ được chia thửa đất số 154 có 02 gian nhà cấp 4 cũ không ở được gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của 03 bố

con và học tập của cháu L; đồng thời, nhà và đất tại thửa số 333 là nơi kinh doanh kiếm sống chính của 03 bố con anh T.

[4]. Quá trình giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm của anh T, cháu T1 và cháu L, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã đề nghị Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an làm rõ việc xuất nhập cảnh của chị T; đồng thời, đã ủy thác cho Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ làm rõ ai là người quản lý sử dụng nhà đất tại thửa số 333 và thửa số 154, thời gian có mặt, vắng mặt của chị T tại địa phương và việc thi hành bản án phúc thẩm về phần tài sản.

Tại Công văn số 13954/A72-P4 ngày 02/11/2016, Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cho biết: Chị T đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài là ngày 07/10/2016. Còn tại các biên bản xác minh vào ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hải Dương cho thấy chị T đến Công an xã H xin giấy tờ xuất cảnh sang Singapore để làm ăn từ tháng 6/2016 và từ đó đến nay chị T không có mặt tại địa phương; ngôi nhà 03 tầng trên 186,2m² đất tại thửa số 333 và 02 gian nhà cấp 4 cũ trên 412,6m² tại thửa số 154, thôn N, xã H do anh T là người quản lý sử dụng từ năm 2008 đến nay; ngày 11/10/2016, ông Vũ Hữu K (là cha đẻ của chị T) được chị T ủy quyền có đơn đề nghị thi hành bản án phúc thẩm.

[5]. Như vậy, với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy nội dung đơn khiếu nại của bố con anh T là có căn cứ. Chị T chưa có nhu cầu về chỗ ở, sau khi được chia nhà đất tại thửa số 333, chị T không sử dụng mà ủy quyền cho người khác đề nghị thi hành án, rồi ra nước ngoài làm việc. Hai con của chị T (trong đó có cháu L, sinh ngày 06/5/2001 là người chưa thành niên và được Tòa án giao cho anh T nuôi dưỡng) sống ổn định với anh T tại nhà đất thuộc thửa số 333 từ năm 2008 và đang có nhu cầu cấp thiết về chỗ ở. Tòa án cấp sơ thẩm cấp chia cho anh T thửa đất số 154 có 02 gian nhà cấp 4 đã cũ là không hợp tình hợp lý, không phù hợp với thực tế. Anh T đã kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chia cho anh T nhà đất tại thửa số 333. Tòa án cấp phúc thẩm không phát hiện những sai sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm mà vẫn giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, chia cho anh T thửa đất số 154 có 02 gian nhà cấp 4 đã cũ là không đúng quy định tại điểm b Điều 95 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên và các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337, Điều 342, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Hủy phần tài sản của bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 01/2016/HNGĐ-PT ngày 21/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương về vụ án “Hôn nhân và gia đình” giữa nguyên đơn là chị Vũ Thị T với bị đơn là anh Phạm Xuân T.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 24/11/2017.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương (02 bản, kèm hồ sơ vụ án);
- TAND huyện B, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, Phòng HCTP, Phòng GDKTIII, HSGĐT.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Tuấn